TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HS-PT
Ngày: 12/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 918/2023/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Tú A, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Hồng C và bà Trần Thi H; có vợ là Bùi Thi Kiều D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2022 đến nay; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Tú A*:* Ông Phạm Xuân T - Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Hữu L và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số C, đường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, có mặt.

* *Bị hại:*

- Anh Trần Văn D1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình; có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng nhu cầu của một số hộ dân muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp thành đất ở và muốn tham gia đầu tư vào các dự án xây dựng để kiếm lời, Nguyễn Tú A đã đưa ra nhiều thông tin gian dối để các bị hại đưa tiền rồi chiếm đoạt, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của anh Trần Văn D1 số tiền 500.000.000 đồng:

Năm 2010, anh Trần Văn D1 mua 5.878m^2 đất nông nghiệp của 09 hộ dân thôn K, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình với giá 647.215.000 đồng, diện tích đất này nằm trong quy hoạch cụm công nghiệp xã M (hiện tại vẫn là đất nông nghiệp). Năm 2015, anh D1 làm hồ sơ dự án để thuê đất làm xưởng sản xuất nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt do không có lối ra vào. Năm 2016, anh D1 xây dựng xưởng sản xuất đồ thờ trên diện tích đất trên và ra vào bằng cổng phụ của nghĩa trang T5. Ngày 05/3/2020, Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã M có Tờ trình số 37/TT/UBND trình UBND huyện H về việc xin phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới đến năm 2030, trong đó có quy hoạch phát triển dân cư, phần đất anh D1 mua cũng nằm trong điều chỉnh quy hoạch. Tuy nhiên, chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đầu năm 2020, Nguyễn Tú A là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo quản và chế biến lâm sản về xã M, mục đích tìm công trình nên gặp và quen ông Nguyễn Mạnh H1 (thời điểm đó là Chủ tịch UBND xã M), Tú A tham gia 02 cuộc họp của UBND xã M với lãnh đạo UBND huyện H bàn về "điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã M đến năm 2030". Thông qua các cuộc họp, Tú A thấy những khó khăn, vướng mắc của một số hộ dân trong xã đã tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt, trong đó có diện tích đất của anh D1. Sau đó, ông H1 nhờ Tú A giúp đỡ anh D1 trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và giới thiệu Tú A cho anh D1. Đầu tháng 4 năm 2020, anh Lê Văn N (cán bộ địa chính xã M) dẫn Tú A xuống nhà anh D1 để hai bên làm quen nhau. Quá trình nói chuyện, anh D1 cho Tú A biết diện tích đất của anh D1 đã làm dự án để thuê đất từ nhiều năm nhưng không được phê duyệt vì không có lối ra vào. Tú A nói dối: Đất của anh D1 không thể làm dự án do đã được phê duyệt quy hoạch khu dân cư, đã có quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất của UBND huyện nên phải chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, đồng thời giới thiệu bản thân Tú A quan hệ rộng, có thể làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D1. Ban đầu anh D1 không đồng ý làm chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở do mất nhiều tiền mà vẫn mong muốn làm dự án để thuê đất. Tú A khẳng định với anh D1 đất của anh D1 không thể làm dự án được mà chỉ có thể chuyển sang đất ở và Tú A sẽ làm được, giúp cho anh D1 các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tin tưởng Tú A, anh D1 nhờ Tú A làm giúp các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích 770m^2, Tú A hứa trong thời gian từ 03 đến 06 tháng sẽ làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D1. Ngày 04/5/2020, Tú A yêu cầu anh D1 đưa trước 200.000.000 đồng để làm thủ tục. Do không có đủ tiền nên anh D1 giao cho Tú A 170.000.000 đồng. Khi nhận tiền Tú A viết cam kết làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho anh D1 với giá trọn gói 4.000.000 đồng/m^2. Sau khi nhận tiền, Tú A không yêu cầu anh D1 cung cấp hồ sơ, tài liệu gì liên quan đến đất và cũng không liên hệ để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở

cho anh D1. Mấy ngày sau Tú A đến nhà nói với anh D1, Tú A sẽ bày "cách khác" cho anh D1. Sau đó, Tú A gọi điện cho anh D1 nói dối về việc sẽ làm dự án quy hoạch làm vỉa hè, hệ thống thoát nước, trồng cây xanh đoạn từ giáp xã T vòng qua ngã ba Diêm về hết phần đất của xã M giáp với xã H, đoạn qua đất nhà anh D1, làm như vậy đất của anh D1 sẽ ra mặt tiền. Ngày 10/5/2020, Tú A và anh D1 bàn bạc với nhau tại phòng làm việc của ông H1 về việc làm vỉa hè, hệ thống thoát nước, trồng cây xanh là chủ trương xây dựng nông thôn mới của xã và phải cần nguồn vốn đầu tư xã hội hóa. Tú A hỏi anh D1 ủng hộ xã bao nhiêu tiền, anh D1 trả lời không có, Tú A bày cách anh D1 hiến cho xã một suất đất để xã có thể bán đi lấy kinh phí xây dựng nông thôn mới, anh D1 đồng ý với điều kiện phải làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình, khi có sổ đỏ đất ở, mà phải là đất có mặt tiền thì anh D1 sẽ hiến 01 suất đất cho xã. Ngày 15/5/2020, dựa trên đề nghị của một số hộ dân, UBND xã có tờ trình số 68/TTr-UB trình UBND huyện về việc xử lý các hộ tự chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang làm đất ở, trong đó có đất của anh D1 nhưng cũng chưa được phê duyệt. Đầu tháng 6/2020, Tú A yêu cầu anh D1 đưa tiếp 330.000.000 đồng để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, tin Tú A sẽ làm được sổ đỏ đất ở có mặt tiền, ngày 06/6/2020 anh D1 giao cho Tú A 330.000.000 đồng, đồng thời Tú A tiếp tục viết cam kết sử dụng số tiền trên vào mục đích làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau 02 lần nhận tiền Tú A không làm hồ sơ, không liên hệ với ai để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng diện tích đất cho anh D1. Sáu tháng sau, anh D1 chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã nhiều lần thúc giục nhưng Tú A nói dối "vẫn đang làm, đang trục trặc". Tháng 7 năm 2021, anh D1 lại hỏi Tú A về thủ tục đất của mình thì Tú A lại tiếp tục nói dối "vẫn đang làm", đồng thời nói tiền của anh D1 đã được "đầu tư dàn trải vào nhiều công trình khác" của mình. Anh Dũng nhiều lần đòi tiền nhưng Tú A không trả.

2. Chiếm đoạt của anh Lê Văn C1 số tiền 3.400.000.000 đồng:

Tháng 7 năm 2021, Nguyễn Tú A nói với anh Lê Văn C1 là Tú A làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) tại xã H theo Nghị quyết 104 ngày 25/01/2010 của Huyện ủy H6. Sau đó Tú A nói với anh C1 xem ai có nhu cầu chuyển đổi thì Tú A sẽ làm cho, chi phí 1.200.000 đồng/m^2 và Tú A cam kết trong thời gian từ 3 đến 5 tháng sau sẽ hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở và được cấp GCNQSDĐ. Thấy Tú A nói vậy anh C1 tin tưởng đưa cho Tú A 370.000.000 đồng để nhờ Tú A chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở với diện tích 2000m^2. Anh C1 nói với một số người thân quen của mình là có người ở trên thành phố T (anh C1 không nói tên Tú A) làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở và được cấp GCNQSDĐ tại xã H cho mọi người, chi phí 1.200.000 đồng/m^2 và nộp trước 200.000 đồng/m^2 để làm thủ tục. Anh C1 đã nhận tiền của 07 người ở xã H là 3.030.000.000 đồng, gồm: Anh Nguyễn Đức H2 1.850.000.000 đồng; anh Vũ Văn H3 90.000.000 đồng; ông Trần Văn C2 320.000.000 đồng; anh Trần Văn H4 200.000.000 đồng; anh Vũ Đình V 370.000.000 đồng; anh Trần Văn T1 100.000.000 đồng; anh Trần Văn B 100.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền 3.030.000.000 đồng nhận của 07 người, anh C1

đã chuyển cho Tú A. Sau khi nhận tiền, Tú A không liên hệ với ai để làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất mà đầu tư vào một số công trình, đến nay Tú A không nhớ công trình nào và chi tiêu cá nhân hết.

3. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H5 số tiền 1.500.000.000 đồng:

- Lần thứ nhất: Tháng 7 năm 2021, anh Lê Văn C1 giao 1.000.000.000 đồng cho Nguyễn Tú A để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở thửa số 391, tờ số 7, thôn H, xã H, huyện H cho anh Nguyễn Văn H5. Đến ngày 28/7/2021, anh C1 dẫn Tú A đến nhà anh H5 và giới thiệu Tú A là người đứng lên nhận làm chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở cho các hộ dân ở xã H, huyện H. Tú A khẳng định sẽ chuyển đổi được mục đích sử dụng đất cho các cá nhân có nhu cầu. Thấy Tú A nói vậy, anh H5 nhờ Tú A chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở thửa số 391, tờ số 7, thôn H, xã H, huyện H nêu trên. Tú A đồng ý và yêu cầu anh H5 phải đưa 1.000.000.000 đồng thì Tú A sẽ làm xong trong thời gian 06 tháng. Tại nhà anh H5, Tú A viết giấy biên nhận đã nhận của anh H5 số tiền 1.000.000.000 đồng (thực chất số tiền trước đó anh C1 đã đưa Tú A vào ngày 16/7/2021 và nói là của anh H5 nhờ nên ngày 28/7/2021 Tú A viết giấy biên nhận nhưng thực tế không có việc giao nhận tiền), anh C1 và anh Lê Văn Q cùng ký xác nhận là người chứng kiến rồi đưa cho anh H5. Số tiền này Tú A chi tiêu cá nhân hết.

- Lần thứ 2: Tháng 8 năm 2021, Nguyễn Tú A nói với anh H5 có muốn sử dụng khu đất phía trước nhà anh H5 không, nếu muốn sử dụng thì Tú A sẽ làm các thủ tục để hợp lý hóa khu đất của ông Trần Hữu M thành đất của anh H5 để anh H5 sử dụng để trồng cây, tạo cảnh quan (diện tích đất này là của ông M đang thuê của UBND xã H để nuôi trồng thủy sản từ năm 2012). Tú A nói với anh H5 là đang làm công trình chợ tạm ở thôn T, xã H, huyện H, sẽ đổi đất giáp công trình chợ tạm cho ông M để lấy thửa đất này. Tú A nói nếu anh H5 đồng ý thì đưa cho Tú A 500.000.000 đồng, nhưng phải đưa trước 250.000.000 đồng để lo việc. Thấy Tú A nói vậy, anh H5 tin tưởng sẽ lấy được phần đất của ông M nên ngày 16/8/2021, anh H5 giao cho Tú A 250.000.000 đồng, khi nhận tiền Tú A viết giấy biên nhận đưa cho anh H5. Sau đó, Tú A soạn thảo đơn đề nghị mang tên doanh nghiệp của anh H5 với nội dung "Doanh nghiệp chúng tôi đề xuất với UBND xã giao phần tiếp giáp đất Doanh nghiệp chúng tôi với trục đường đi qua, để doanh nghiệp chúng tôi trồng cây tạo cảnh quan cho đẹp thêm làng xã" rồi mang đơn này đến UBND xã H gặp ông Đường Khắc T2 - Chủ tịch UBND xã H xin xác nhận. Trước đó Tú A đã trao đổi với ông T2: Chỗ đất trước cổng doanh nghiệp của anh H5 có mấy mét vuông xin để anh H5 trồng cây xanh để tạo cảnh quan nên ông T2 xác nhận "UBND xã H nhất trí với nội dung đơn trên". Sau đó, Tú A mang đơn đã có xác nhận của Chủ tịch xã về giao cho anh H5 và đề nghị anh H5 giao nốt số tiền còn lại. Ngày 22/8/2021, anh H5 giao 100.000.000 đồng và ngày 23/8/2021 giao 150.000.000 đồng cho Tú A. Sau khi nhận tiền, Tú A không làm thêm bất cứ thủ tục gì, không trao đổi với ai, số tiền nhận được từ anh H5, Tú A chi tiêu cá nhân hết.

4. Thông qua thỏa thuận hợp tác kinh doanh chiếm đoạt của anh Lê Văn C1 số tiền 1.269.000.000 đồng và anh Trần Xuân T3 số tiền 940.000.000 đồng:

Tháng 11 năm 2020, Nguyễn Tú A gặp anh Lê Văn C1, nói dối: Tú A đang chạy dự án cứng hoá mặt sông thuộc tuyến đường V từ ngã 6 đến cầu Đ, thị trấn H làm tuyến phố đi bộ và xây dựng ki ốt cho thuê để bán hàng (sau đây gọi tắt là Dự án tuyến phố đi bộ), Tú A rủ anh C1 tham gia, góp vốn. Anh C1 nói chuyện này với anh Trần Xuân T3 nội dung Tú A trao đổi, thấy anh C1 nói vậy thì anh T3 đồng ý tham gia góp vốn với Tú A và anh C1. Sau đó, anh C1 và anh T3 đến nhà Tú A để bàn bạc, Tú A đưa ra ý kiến thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn T6 để đứng tên thực hiện Dự án tuyến phố đi bộ nếu chạy được dự án. Công ty có vốn điều lệ 12,689 tỷ đồng, thành phần Công ty có chị Nguyễn Hải Q1 (là con gái của Tú A đứng tên góp vốn, còn lại mọi thủ tục thì Tú A sẽ chịu trách nhiệm) và anh C1 là thành viên góp vốn, anh T3 là Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngày 13/11/2020, Tú A và anh T3 đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T làm thủ tục thành lập công ty và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 100216821 do anh Trần Xuân T3 làm Giám đốc. Tú A yêu cầu anh C1 và anh T3 mỗi người giao cho Tú A 1.500.000.000 đồng để đi chạy dự án. Do chưa đủ tiền nên anh C1 trực tiếp đưa cho Tú A 02 lần tiền mặt: Ngày 15/11/2020 đưa 369.000.000 đồng, ngày 18/11/2020 đưa 600.000.000 đồng và ngày 01/12/2020 chuyển khoản 300.000.000 đồng vào tài khoản 12250538888 của Nguyễn Hải Q1 (con gái Tú A) và anh T3 giao tổng 940.000.000 đồng cho Tú A vào ngày 18/11/2020, ngày 20/11/2020 và ngày 25/11/2020. Khi nhận tiền anh C1, anh T3 đều ghi vào sổ để Tú A ký nhận. Sau khi nhận tiền, Tú A hứa trong vòng 5 tháng sẽ hoàn thiện thủ tục giấy tờ pháp lý để thực hiện dự án. Số tiền nhận được của anh C1, anh T3, Tú A chi tiêu cá nhân hết. Tháng 6 năm 2021, anh C1, anh T3 hỏi Tú A về tiến độ dự án thì Tú A nói chưa xin được và phải đợi thêm 6 tháng nữa. Anh C1, anh T3 nhiều lần đôn đốc, thúc giục Tú A nếu xác định không làm được thì trả tiền nhưng Tú A cam kết đang làm. Đầu năm 2022, anh C1 biết UBND huyện H không có dự án tuyến phố đi bộ. Anh C1, anh T3 đến đòi tiền, nhưng Tú A không trả.

Kết luận giám định số 37/KL-KTHS ngày 23/3/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: *"Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ viết "Ngày 30/5/2020 đã ứng cho anh T4 170.000.000 một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn" dòng 21,22,23) so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Tú A trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết, ký ra."*

Kết luận giám định số 224/KL-KTHS(TL) ngày 26/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

"1. Chữ ký mang tên Nguyễn Tú A trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1 đến A10 so với chữ ký của Nguyễn Tú A trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M9 do cùng một người viết, ký ra.

2. Chữ viết trên các mẫu giám định ký hiệu A2 (trừ chữ viết mục "người làm chứng"), A3 (trừ chữ viết dòng 24, 25), A4, A5, A6 (trừ chữ viết mục "người lập Tài liệu"), A1 (trừ chữ viết mục "người lập Tài liệu") so với chữ viết của Nguyễn Tú A trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M9 do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết "Nguyễn Tú A, Ng Tú A2, Ng T" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A8, A9, A10 so với chữ viết của Nguyễn Tú A trên mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M9 do cùng một người viết ra.

4. Chữ viết, chữ ký mang tên Bùi Thị Kiều D tại trang số 275 trên mẫu cần giám định ký hiệu A8 so với chữ viết, chữ ký của Bùi Thi Kiều D trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M10 do cùng một người viết, ký ra."

Cáo trạng số 26/CT-VKSTB ngày 12 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Tú Anh về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 47 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 106, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tú A 19 (mười chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 15/4/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về án phí, về xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2023, bị cáo Nguyễn Tú A có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do quá trình điều tra bỏ qua nhiều tình tiết làm sai lệch bản chất của vụ án dẫn đến việc bị cáo bị oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tú A giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan. Bị cáo Tú A thừa nhận có nhận tiền của các bị hại và không có chức năng chuyển đổi mục đích sử dụng đất, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ quy hoạch, nhưng cho rằng bị cáo đã làm xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cấp cơ sở thôn, xã và đã làm các thủ tục để trình phê duyệt dự án. Việc bị cáo sử dụng tiền của anh Trần Văn D1 là đã thống nhất chi tiêu với anh D1, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng xác định bị cáo không làm gì sau khi nhận tiền của anh D1 là không đúng. Đối với tiền của anh C1 là do anh C1 hùn vốn đầu tư tuyến đường cùng bị cáo nhưng chưa được thanh toán, bị cáo không chiếm đoạt tiền của anh C1. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là không đúng, bị cáo bị bắt do nhiều yếu tố và do cơ chế của địa phương; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, vật chứng thu giữ được đã kết luận: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Tú A không thừa nhận hành vi lừa đảo các bị hại, nhưng thừa nhận nhận tiền của các bị hại. Bị cáo không có chức năng chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhưng vẫn nhận tiền của các bị hại và đưa ra các thông tin gian dối để nhận tiền tiêu xài cá nhân. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, kết luận giám định, biên bản làm việc với UBND huyện H và UBND xã M, xã H. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Tú A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội và không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tú A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Bị cáo kêu oan nên không trình bày ý kiến thêm để không làm xấu tình trạng của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Bị hại là anh Trần Văn D1 cho rằng bị cáo có hỏi vay lại số tiền anh đã chuyển cho bị cáo qua điện thoại, nhưng anh D1 không giải thích được lời khai tại phiên tòa phúc thẩm mâu thuẫn với lời khai của anh D1 tại cơ quan điều tra được Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố công khai tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tú A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tú A thừa nhận nhận tiền của các bị hại, sau khi nhận tiền bị cáo có thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thủ tục trình xin phê duyệt dự án, nhưng cho rằng bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận có nhận tiền của các bị hại để làm giúp hồ sơ thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở; lo thủ tục chạy dự án trong khi bị cáo không có chức năng, nhiệm vụ thực hiện những công việc trên mà chỉ dựa trên niềm tin vào các mối quan hệ cá nhân của bị cáo. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành lấy lời khai của các bị hại, xác minh tại các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các hành vi vi phạm của bị cáo đó là UBND huyện H, UBND xã M và UBND xã H thể hiện không có căn cứ chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở đối với các thửa đất nông nghiệp bị cáo nhận làm và không có các dự án bị cáo đưa ra thông tin để xin thực hiện. Bị cáo cho rằng số tiền nhận của anh Trần Văn D1 đã chi vào khảo sát, tháo dỡ tường và chi phí đi lại tiếp khách được anh D1 đồng ý, số còn lại bị cáo vay anh D1 để đầu tư một số công trình. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra anh D1 khẳng định chỉ đưa tiền cho bị cáo làm chuyển đổi mục đích sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có mục đích nào khác; không có việc bị cáo hỏi vay tiền hoặc thỏa thuận với anh D1 về việc cho bị cáo sử dụng số tiền này để đầu tư công trình; việc Tú A chi tiếp khách không liên quan đến số tiền anh D1 đưa và không có thỏa thuận chi phí xăng xe đi lại khi bị cáo Tú A nhận làm chuyển mục đích sử dụng đất cho anh D1. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D1 trình bày bị cáo Tú A có hỏi vay tiền qua điện thoại, nhưng anh D1 không giải thích được lý do lời khai tại phiên tòa phúc thẩm mâu thuẫn với lời khai tại cơ quan điều tra nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh D1 tại phiên tòa phúc thẩm.

Thực tế sau khi nhận tiền của các bị hại, bị cáo Tú A cũng không tiến hành các thủ tục liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xin thực hiện dự án mà dùng tiền để đầu tư vào các công trình bị cáo đang thi công và chi tiêu cá nhân khác. Bản thân bị cáo cũng thừa nhận thời điểm nhận lời giúp anh D1 làm thủ tục, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất thì đất của anh D1 chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì chưa có lối ra vào và khẳng định bị cáo không vay lại tiền của anh D1 mà do bị cáo đã chi tiêu dàn trải vào công việc, nhưng không nhớ chi gì. Việc bị cáo Tú A cho rằng đã gặp Chủ tịch UBND huyện H báo cáo và đã có bút phê chuyển phòng chức năng tham mưu đề xuất để cho rằng bị cáo Tú A đã tiến hành làm thủ tục, nhưng thực tế đến nay các thửa đất bị cáo nhận làm và các dự án bị cáo đưa ra để xin thực hiện đều không được phê duyệt. Quá trình điều tra, bị cáo cũng thừa nhận hành vi sai phạm của mình và xin xem xét để sớm được trở về với gia đình để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kêu oan và đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị cáo Nguyễn Tú A.

Đối với kháng cáo của bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập đầy đủ các bị hại và những người làm chứng thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập đầy đủ các bị hại, người làm chứng và ông D1 đã có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, kháng cáo của bị cáo về vấn đề này là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Tú A phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tú A; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2023/HSST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình; cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tú A 19 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/4/2022.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Tú A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm**.**

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- TTG - Công an tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHCTP.

Nguyễn Phương Hạnh

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Hải Thanh

Nguyễn Tiến Dũng

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Hạnh